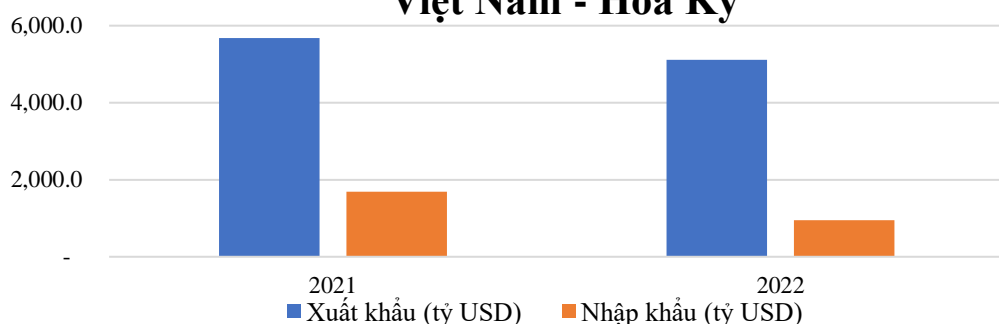


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HOA KỲ



Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (5T – 2022/2021)

- Xuất khẩu ▼ 9,9%
- Nhập khẩu ▼ 43,8%

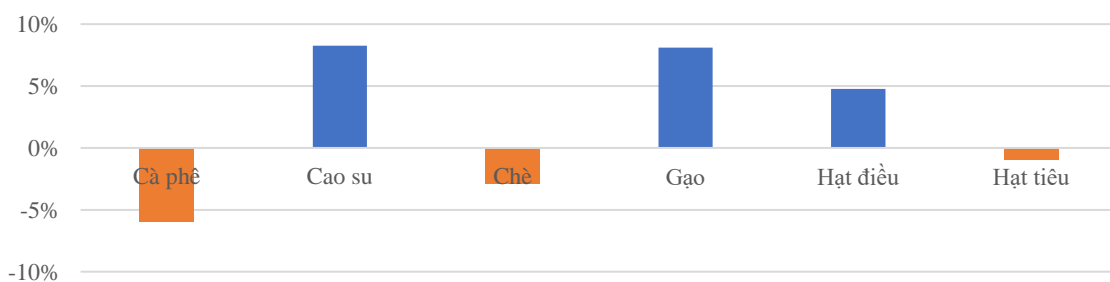
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 5T-2022 so với 5T-2021



So sánh 5T-2022/2021

- Cà phê ▲ 1,8%
- Cao su ▼ 18,5%
- Chè ▲ 9,0%
- Gạo ▲ 31,6%
- Gỗ và SP Gỗ ▼ 16,9%
- Rau quả ▲ 6,2%
- Thủy sản ▲ 27,5%
- Hạt điều ▼ 15,6%
- Hạt tiêu ▲ 18,7%
- Mây tre đan ▼ 0,5%
- SP từ cao su ▼ 22,1%
- TĂGS và NL ▼ 2,3%

Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T5/2022 so với T4/2022



So sánh giá xuất khẩu bình quân T2-2022/2021

- Cà phê ▼ 5,9%
- Cao su ▲ 8,3%
- Chè ▼ 2,9%
- Gạo ▲ 8,1%
- Hạt điều ▲ 4,8%
- Hạt tiêu ▼ 1,0%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ lên tới 7,61 tỷ USD, thị trường này chiếm 27,3% trong tổng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2022. Hoa Kỳ cũng đã vượt xa Trung Quốc - thị trường xuất khẩu lớn thứ với kim ngạch nông lâm thủy sản khoảng 4,97 tỷ USD (chiếm 17,8% tổng giá trị xuất khẩu của nông lâm thủy sản Việt Nam). Trong số các nhóm mặt hàng nông lâm thủy sản, Hoa Kỳ đang mua nhiều nhất hạt điều, thủy sản, gỗ, trái cây của Việt Nam. Trong đó, riêng gỗ và sản phẩm gỗ chiếm tới 66,8% tổng kim ngạch xuất khẩu ngành hàng nông sản sang Hoa Kỳ trong nửa đầu năm nay.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa kỳ trong tháng 5/2022 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 61,3%), thủy sản (19,8%), hạt điều (6,7%). So với tháng 4/2021, tất cả các mặt hàng NLTS của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ đều có kim ngạch tăng như: gạo tăng 108,4%, hạt tiêu tăng 43%, thủy sản tăng 34,2%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Tháng 2/2020, đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng nhiều doanh nghiệp đã sang Hoa Kỳ làm việc để tìm giải pháp tăng cường nhập khẩu các sản phẩm thế mạnh của Hoa Kỳ. Trong chuyến công du này, có 18 văn kiện của các doanh nghiệp nhập khẩu của Việt Nam với các hiệp hội ngành hàng của Hoa Kỳ được ký kết. Điều này đã mang lại hiệu quả ngay lập tức khi năm 2021, tỷ lệ nhập khẩu thức ăn nuôi từ Mỹ đã tăng đến 64%.

Chỉ tính riêng ngành thủy sản, theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), 5 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đã đạt gần 1,1 tỷ USD, tăng 65% so với cùng kỳ năm trước.

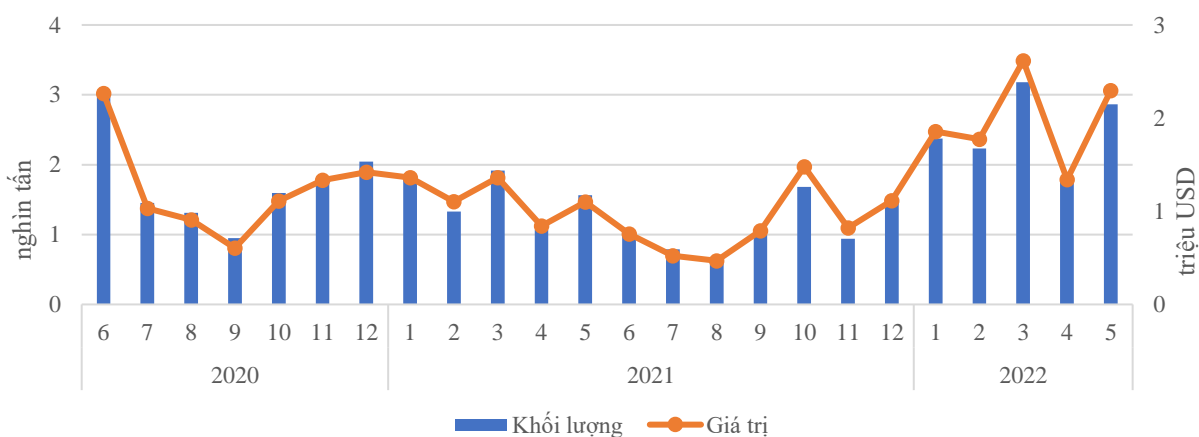
Mặc dù nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu thủy sản vào thị trường Hoa Kỳ dự báo vẫn cao trước tác động của xung đột Nga - Ukraine, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, sau khi tăng trưởng nóng trong nửa đầu năm, xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Hoa Kỳ trong nửa cuối năm sẽ tăng trưởng thấp hơn nửa đầu năm nay. Dự báo, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ năm 2022 sẽ đạt 2,4 - 2,5 tỷ USD, tăng 25% so với năm 2021..

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2022, Việt Nam xuất khẩu được 2,9 nghìn tấn gạo, trị giá 2,3 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 58,3% về khối lượng và 71,2% về giá trị so với tháng trước; và tăng 83,4% về khối lượng và 108,4% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 5 tháng đầu năm 2022 đạt 12,5 nghìn tấn, trị giá 9,9 triệu USD, tăng 62,4% về khối lượng và 71,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

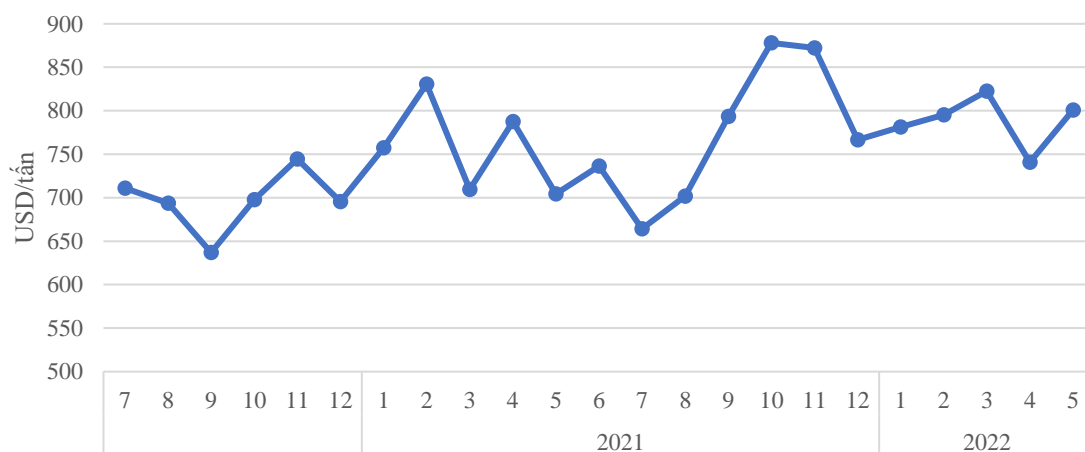
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 5/2022 đạt 800,9 USD/tấn, tăng 8,1% so với tháng trước và 13,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ

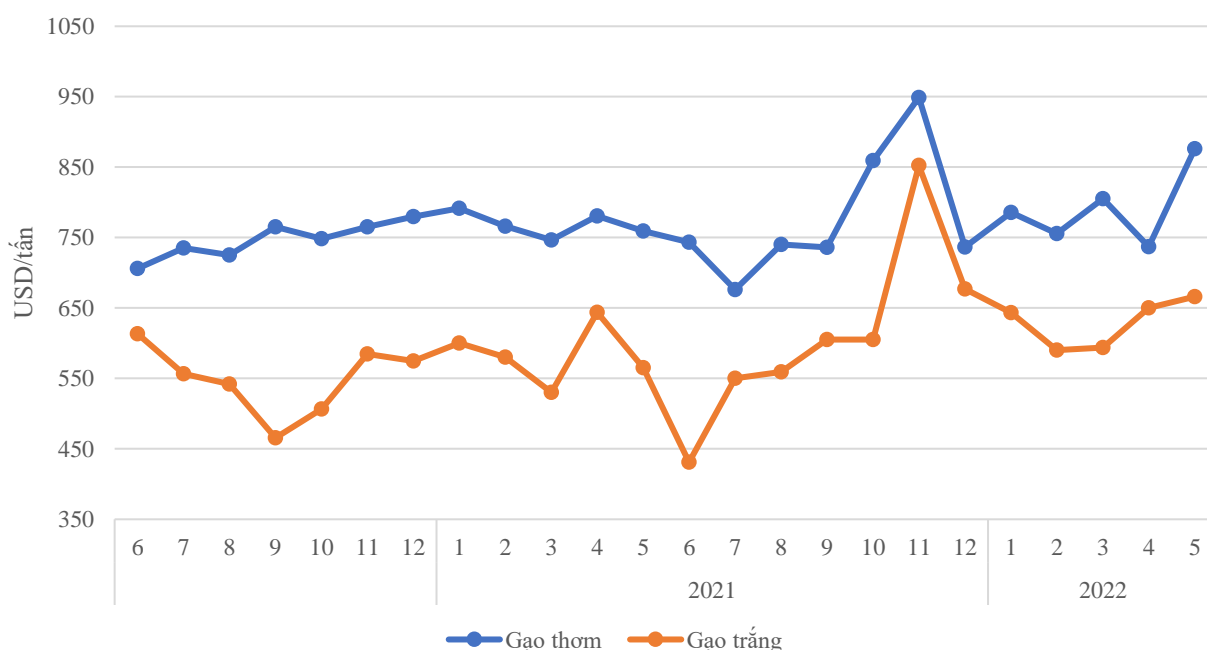


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 1,4 nghìn tấn, trị giá 1,2 triệu USD (chiếm 48,9% về khối lượng và 53,7% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 59,7% về khối lượng và 79,5% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 5/2022 đạt trung bình 876,1 USD/tấn, tăng 18,9% so với tháng trước và 15,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 666,3 USD/tấn, tăng 2,5% so với tháng trước và 17,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

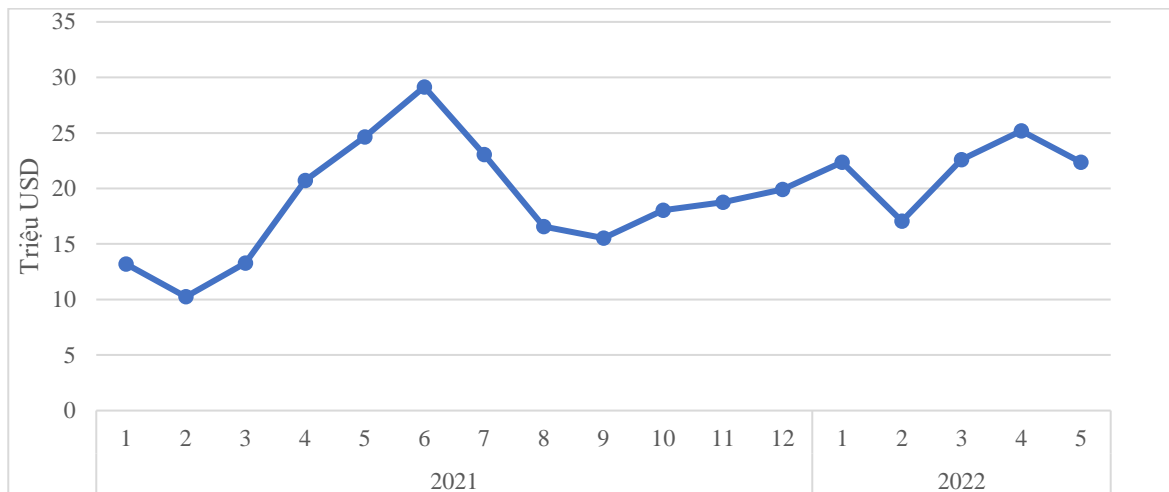
Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

2. RAU QUẢ

Theo Hiệp hội Táo và lê Thế giới (WAPA), tính đến ngày 1/5/2022, dự trữ táo tại Hoa Kỳ đạt 785.260 tấn, tăng 8,5% so với năm 2021 và dự trữ lê đạt 45.758 tấn (tăng 50,5%).

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 5 năm 2022 đạt 22,4 triệu USD, chiếm 8,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 11,2% so với tháng trước và giảm 9,3% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả 5 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 109,1 triệu USD, chiếm 7,6% thị phần, tăng 33,0% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ

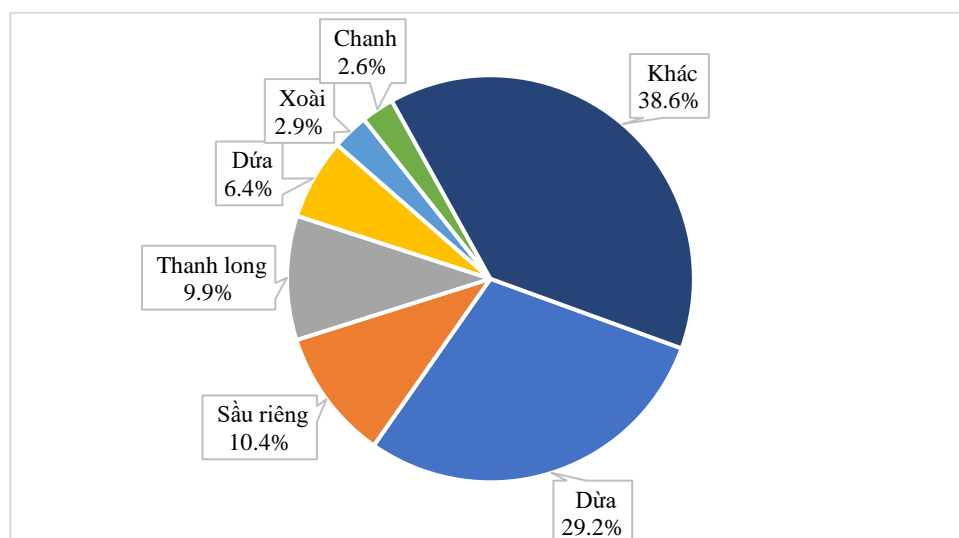


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 5 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 9,0 triệu USD (chiếm 40,4% thị phần, giảm 43,3% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 13,3 triệu USD (chiếm 59,6% thị phần), tăng 53,0%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 8,9 triệu USD, tăng 178,4% so với cùng kỳ năm trước; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 2,3 triệu USD (giảm 27,1%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,1 triệu USD (tăng 7,0%); v.v.

Trong tháng 5 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: dứa đạt 6,5 triệu USD (chiếm 29,1% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 189,2% so với cùng kỳ năm 2021; sầu riêng đạt gần 2,3 triệu USD (chiếm 10,4%), tăng 10,2%; thanh long đạt 2,2 triệu USD (chiếm 9,8%), tăng 18,9%; dứa đạt 1,4 triệu USD (chiếm 6,4%), tăng 389,5%; xoài đạt 644,2 nghìn USD (chiếm 2,9%), giảm 52,4%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 5 năm 2022



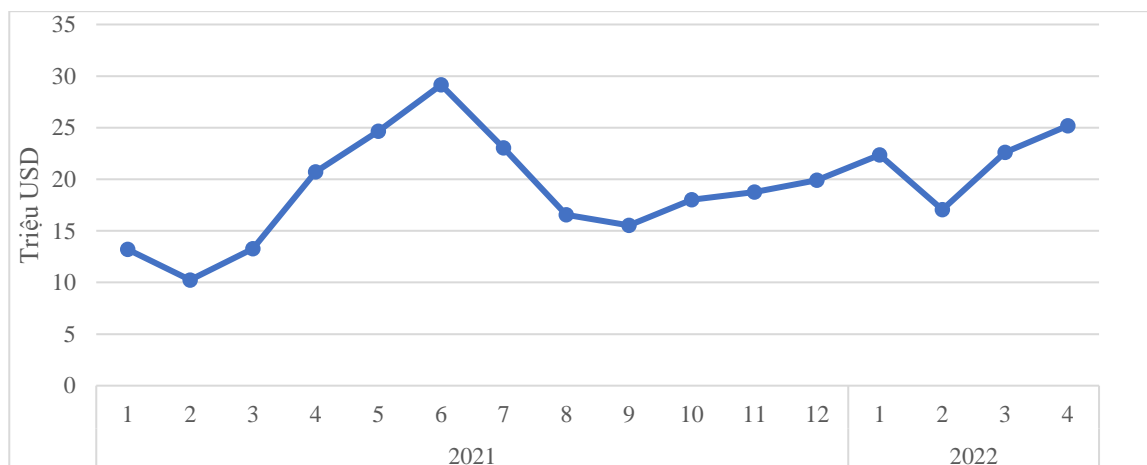
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 5 năm 2022 đạt 23,0 triệu USD, chiếm 13,4% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 23,8% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 120,4 triệu USD, chiếm 25,8% thị phần, giảm 8,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 5/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: hạt dẻ đạt gần 7,0 triệu USD, chiếm 30,4% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 40,9% so với cùng kỳ năm 2021; hạnh nhân đạt 5,1 triệu USD (chiếm 22,1%), giảm 31,4%; táo đạt 3,6 triệu USD (chiếm 15,5%), tăng 42,4%; anh đào đạt 2,7 triệu USD (chiếm 11,7%), giảm 18,5%; khoai tây đạt 1,9 triệu USD (chiếm 8,1%), tăng 85,3%; v.v

Cơ quan Kiểm tra Sức khỏe Động thực vật (APHIS) của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ và Tổ chức bảo vệ thực vật quốc gia của Mexico (SENASICA) thông báo rằng Hoa Kỳ đã bắt đầu xuất khẩu khoai tây sang Mexico vào ngày 11/5/2022. Mexico và Hoa Kỳ đã đồng ý chấm dứt các hạn chế do chính phủ Mexico áp đặt đối với nhập khẩu khoai tây của Hoa Kỳ sau tranh chấp thương mại kéo dài 25 năm.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4 năm 2022 đạt 25,2 triệu USD, chiếm 7,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 11,4% so với tháng trước và tăng 21,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả 4 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 87,0 triệu USD, chiếm 7,4% thị phần, tăng 51,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ



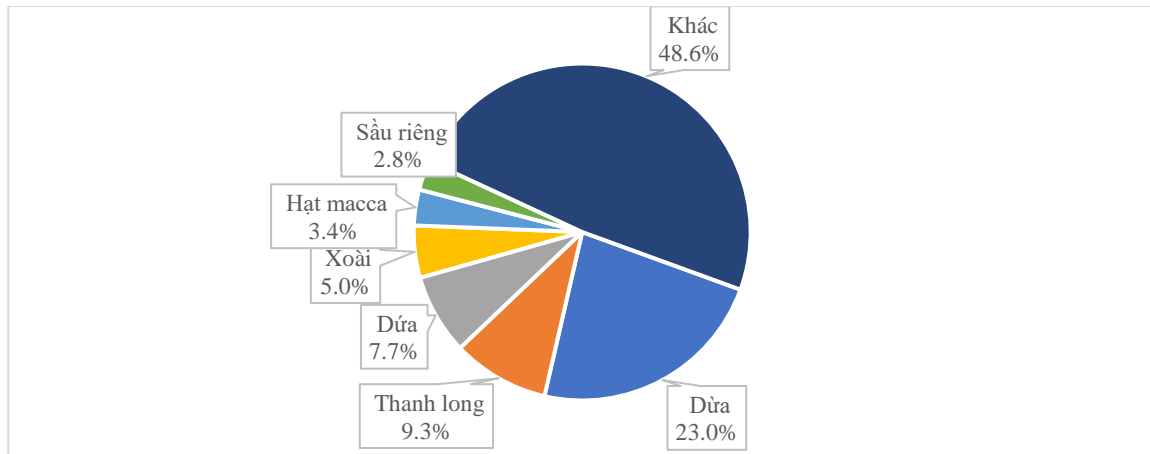
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 4 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 10,8 triệu USD (chiếm 42,9% thị phần, giảm 14,8% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 14,4 triệu USD (chiếm 57,1% thị phần), tăng 79,2%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 8,9 triệu USD, tăng 252,2% so với cùng kỳ năm trước; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dèo (mã HS 2008) đạt 2,9 triệu USD (giảm 5,3%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,4 triệu USD (tăng 27,2%); v.v.

Trong tháng 4 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: dứa đạt 4,4 triệu USD (chiếm 17,6% tổng giá trị xuất khẩu), tăng

160,6% so với cùng kỳ năm 2021; thanh long đạt gần 2,9 triệu USD (chiếm 11,7%), tăng 47,9%; dứa đạt 1,8 triệu USD (chiếm 7,2%), tăng 45,1%; chanh đạt 1,6 triệu USD (chiếm 6,5%), tăng 174,0%; xoài đạt 1,3 triệu USD (chiếm 5,0%), giảm 19,9%; v.v.

Hình 7: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 4 năm 2022



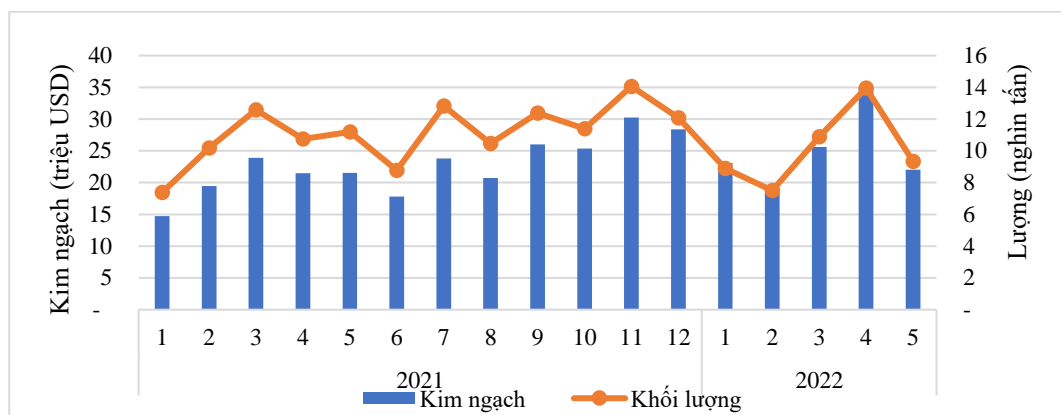
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 4 năm 2022 đạt 20,8 triệu USD, chiếm 14,0% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 14,6% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 4 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 97,4 triệu USD, chiếm 20,5% thị phần, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 4/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: táo đạt 6,5 triệu USD, chiếm 31,1% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 93,1% so với cùng kỳ năm 2021; hạnh nhân đạt 5,3 triệu USD (chiếm 25,3%), giảm 15,8%; hạt dẻ đạt 4,0 triệu USD (chiếm 19,3%), giảm 56,2%; khoai tây đạt 1,97 triệu USD (chiếm 9,5%), tăng 68,6%; nho đạt 1,0 triệu USD (chiếm 4,9%), tăng 457,0%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 05/2022 ước đạt 9,3 nghìn tấn với trị giá 22,0 triệu USD, giảm 33,1% về khối lượng và 37,0% về giá trị so với tháng trước, và giảm 16,5% về khối lượng nhưng tăng 2,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

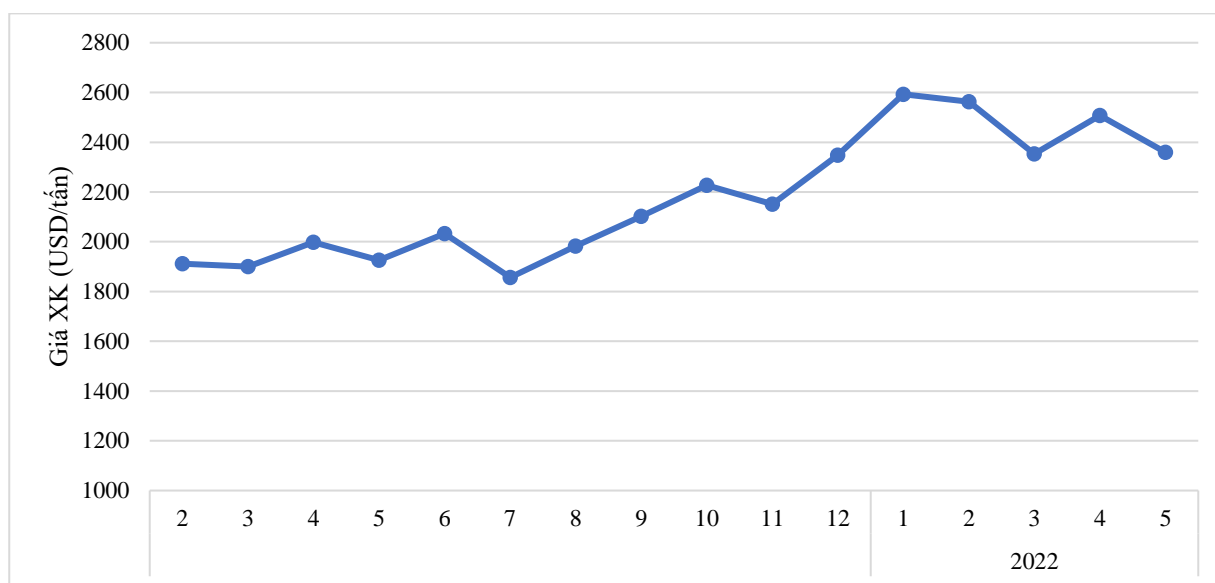
Hình 8. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 05/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.359 USD/tấn, giảm 5,9% so với tháng trước và tăng 22,5% so với cùng kỳ năm 2021.

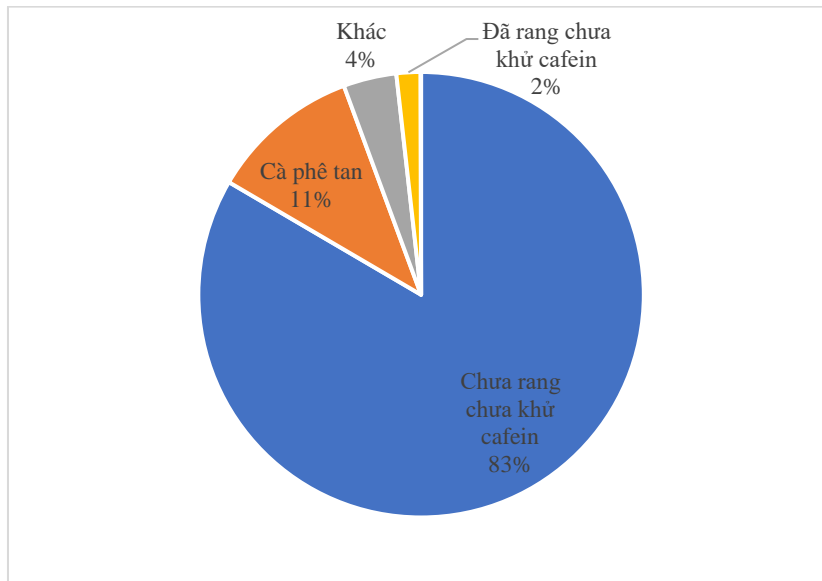
Hình 9. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 18,4 triệu USD, chiếm 83,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 2,4 triệu USD, chiếm 10,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử caffein và cà phê đã rang đã khử caffein, chiếm lần lượt 1,7% và 0,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình 10. Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 05/2022

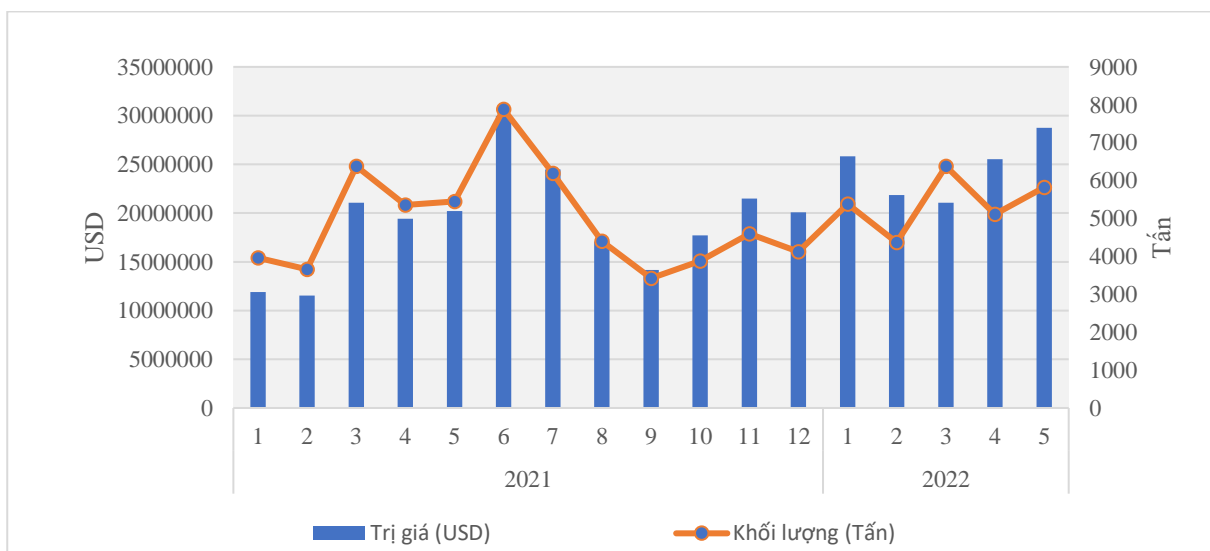


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 5/2022 đạt 5.821 tấn, tương ứng với 28,7 triệu USD, tăng 8,62% về khối lượng và 48% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này tăng 6,83% về khối lượng và 42,32% về giá trị.

Hình : Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ

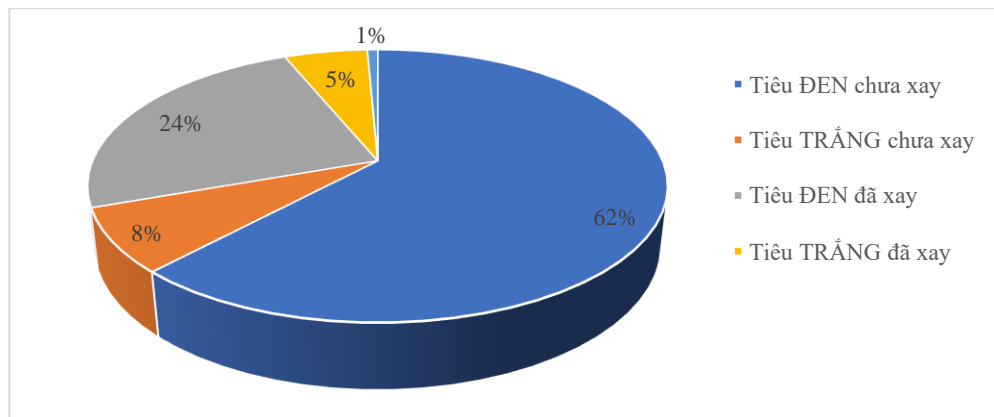


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 62% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu xuất sang Hoa Kỳ, tăng 39,18% so với tháng trước và 10,59% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm

được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu đen đã xay, chiếm 24%, tăng 37,49% so với năm trước và 12,49% so với tháng trước.

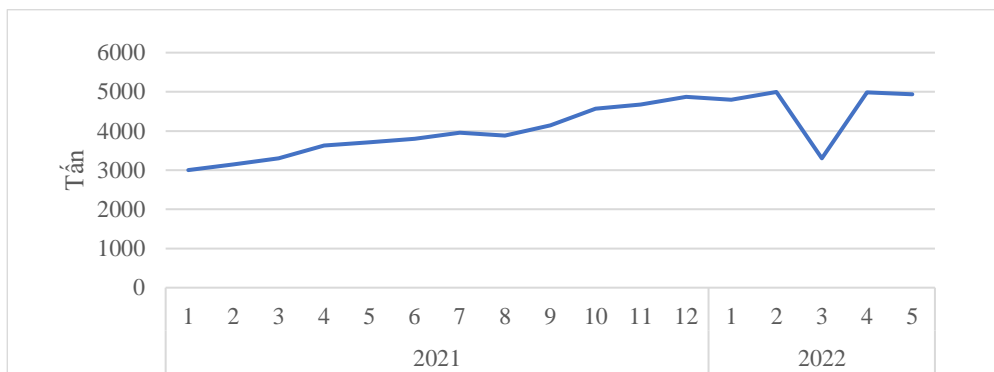
Hình: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 5/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 5/2022 đạt 4.939 USD/tấn, tăng 36,3% so với tháng trước và 33,2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình : Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ

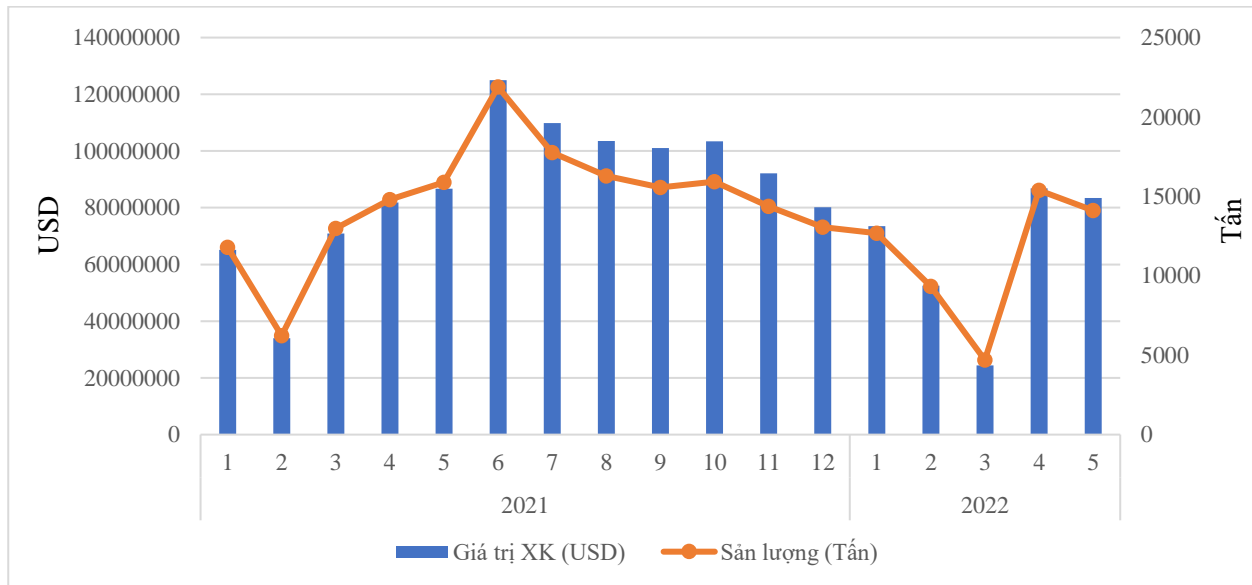


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2022, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 14,11 nghìn tấn, trị giá 83,44 triệu USD, giảm 3,9% về khối lượng và 8,3% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu điều sang thị trường này cũng giảm 11,1% về khối lượng và 3,8% về giá trị.

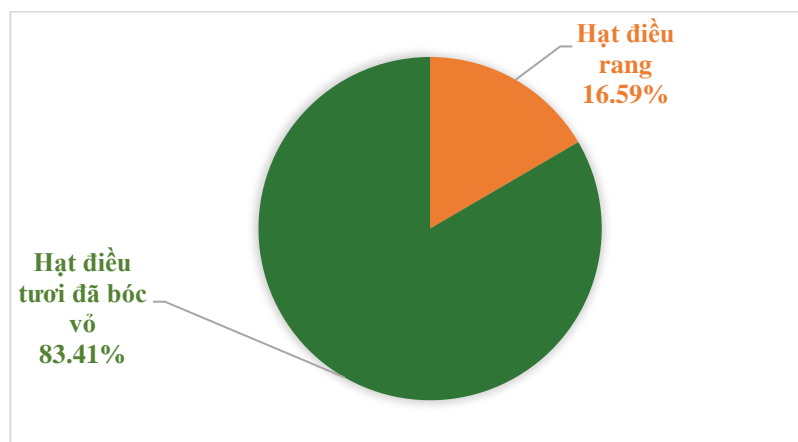
Hình 11. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 83,41%, đạt 70 triệu USD, giảm 1,7% so với tháng trước và 13,6% so với cùng kỳ năm trước; hạt điều rang đạt 13,9 triệu USD chiếm 16,6%, tăng 140,8% so với cùng kỳ năm trước và 11,3% so với tháng trước.

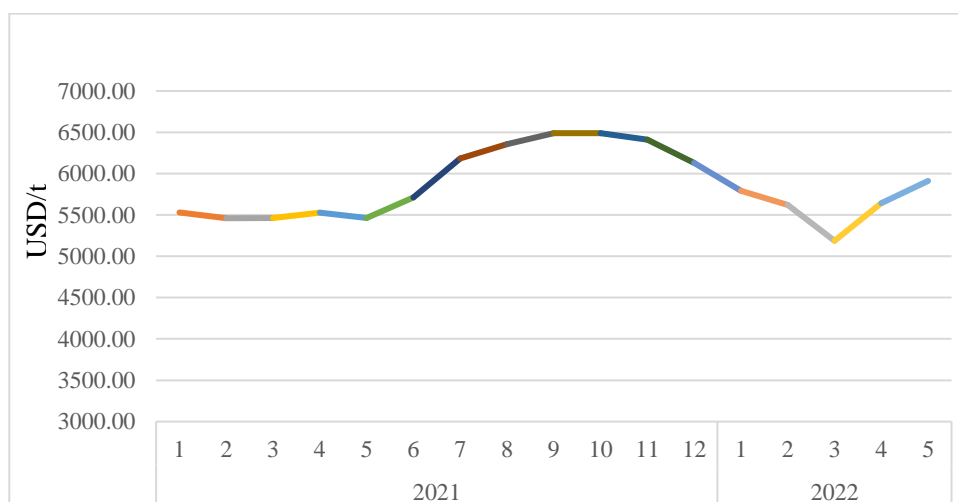
Hình 12. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ đã có sự phục hồi mạnh mẽ. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 5/2022 đạt 5.911 nghìn USD/tấn, tăng 4,8% so với tháng trước và 8,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 5,7 USD/kg, tăng 3,3% so với tháng trước và 3,8% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 13: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

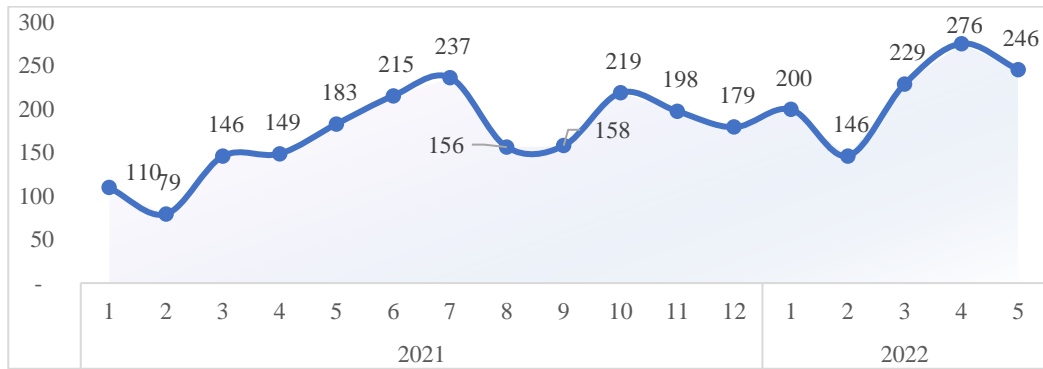
6. THỦY SẢN

Theo số liệu mới nhất từ Viện IRI (International Republican Institute) và 210 Analytics, doanh thu bán hàng hải sản tươi sống và đông lạnh tại các cửa hàng tạp hóa của Hoa Kỳ tiếp tục giảm trong tháng 5/2022 do lạm phát tăng cao. Tuy vậy, doanh thu thủy sản có thời hạn bảo quản lâu vẫn tiếp tục tăng. Tháng 5/2022, doanh thu thủy sản tươi giảm 13,2%, xuống còn 618 triệu USD, trong khi lượng tiêu thụ giảm 22% so với tháng 5/2021; Doanh thu thủy sản đông lạnh đạt 643 triệu USD, giảm 5,6% so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi lượng tiêu thụ giảm 14,6%. Các mặt hàng thủy sản có doanh thu tăng là các mặt hàng có thời hạn bảo quản dài, đạt 251,4 triệu USD (241 triệu EUR), tăng 7,8%, lượng tiêu thụ tăng 1% so với cùng kỳ năm trước. Các loại thủy sản tươi có doanh thu giảm nhiều nhất bao gồm: cua giảm 35,4%, tôm hùm giảm 30,8%, tôm giảm 19,3%, bánh hải sản giảm 14,8%, cá rô phi giảm 14,3% và salad hải sản giảm 12,8%.

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trong các nước xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Theo tổng cục hải quan, tháng 5/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt trên 245,7 triệu USD, chiếm 23,1% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 5 tháng đầu năm 2022 đạt 1,1 tỷ USD, tăng 64,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 14. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 5/2022

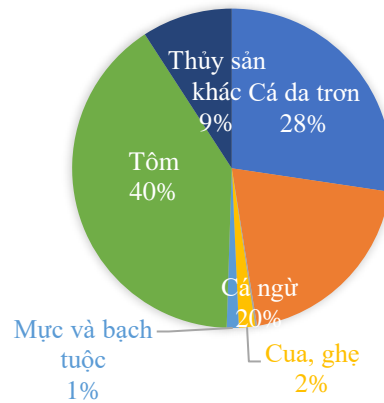
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tăng trưởng tiếp tục giữ được đà tăng trưởng từ tháng trước, tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 5/2022, chiếm 40,3%, cá da trơn chiếm 27,4%.

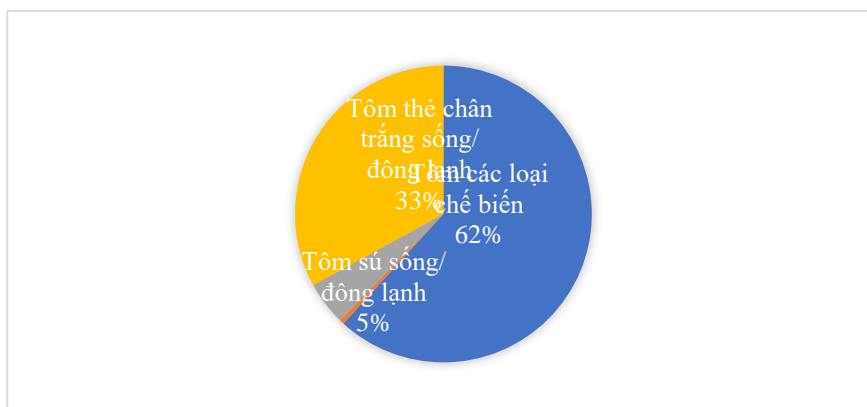
Hình 15. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 5/2022



Nguồn: Tổng cục hải quan

Tháng 5/2022, xuất khẩu tôm chế biến các loại của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 99 triệu USD, chiếm 40,3% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, tăng 2,5% so với tháng 5/2021; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 32,6 triệu USD, chiếm 33%, giảm 19%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 4,7 triệu USD, chiếm 4,8%, giảm 44,6%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,5 triệu USD, chiếm 0,5%, giảm 4,3%.

Hình 16. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 5/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Tháng 5/2022, cá da trơn tiếp tục là sản phẩm có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các sản phẩm thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ. Giá trị xuất khẩu cá tra đạt 67,2 triệu USD, tăng 105,5% so với cùng kỳ năm trước và giảm 14,5% so với tháng trước. Cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này chủ yếu là cá tra phi lê chiếm tới 97,6%, đạt 65,5 triệu USD, tăng 105,9% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 15,2% so với tháng trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 5/2022 như sau: Cá ngừ đạt 49,4 triệu USD, tăng 71,4% so với tháng 5/2021; cua, ghẹ đạt 4 triệu USD, giảm 16,1%; mực bạch tuộc đạt 3 triệu USD, tăng 2,5% và thủy sản khác đạt 22,5 triệu USD, tăng 23,2%.

Tháng 5/2021, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 12,1 USD/kg, tăng 18,3% so với cùng kỳ năm 2021; cá da trơn đạt 4,9 USD/kg, giảm 28,4%. Cụ thể,

Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 5/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	4,9	-28,4%	-6,8%
2	Cá ngừ	13,7	43,8%	2,6%
3	Cua, ghẹ	21,8	0,5%	2,3%
4	Mực và bạch tuộc	9,6	-2,6%	-5,1%
5	Tôm	12,1	18,3%	-0,9%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Theo số liệu từ Ủy ban thương mại quốc tế Mỹ (USITC), 4 tháng đầu năm 2022, Mỹ đã chi hơn 8,8 tỷ USD nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ thế giới, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm 2021.

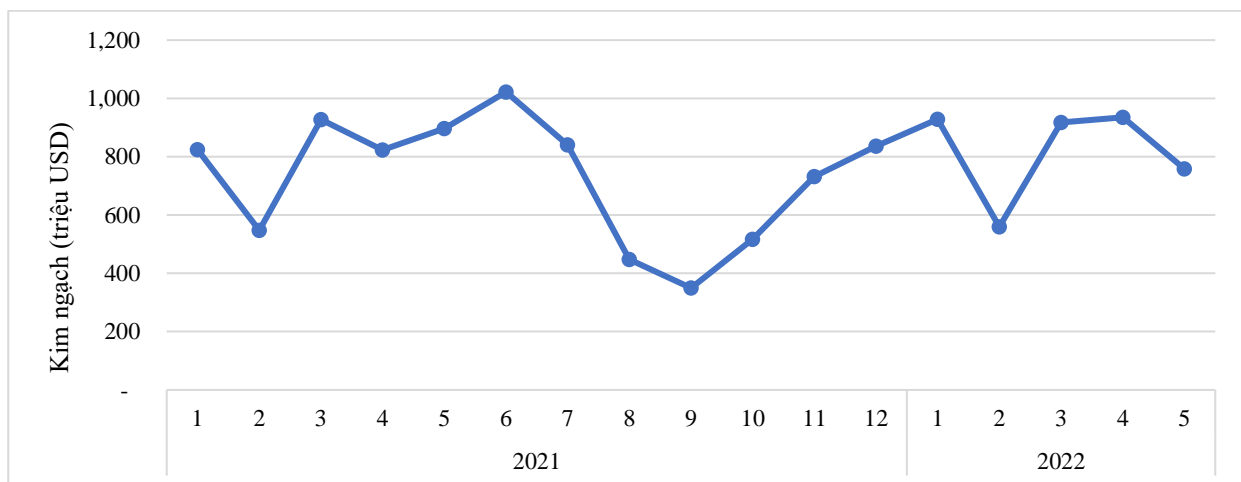
Việt Nam vẫn là thị trường xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất vào Mỹ nhưng thị phần đã giảm từ 40% xuống còn 35%. Đáng chú ý, trong số 10 thị trường xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất vào Mỹ thì chỉ có duy nhất Việt Nam ghi nhận sự sụt giảm trong 4 tháng đầu năm nay, với mức giảm 1,7% xuống còn hơn 3 tỷ USD.

Nhu cầu nhập khẩu đồ gỗ tại Mỹ vẫn tăng mạnh, tuy nhiên ngành gỗ của Việt Nam đang phải đối mặt với các biện pháp phòng vệ thương mại tại thị trường này. Đầu tháng 6, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) thông báo khởi xướng điều tra lẩn tránh thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp với gỗ nhập khẩu từ Việt Nam. Nguyên đơn cáo buộc doanh

nghiệp Việt sử dụng các bộ phận gỗ nhập khẩu từ Trung Quốc có thuộc phạm vi áp dụng của biện pháp phòng vệ thương mại mà Mỹ đang áp dụng.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 05/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 758,7 triệu USD, giảm 18,9% so với tháng trước và giảm 15,4% so với cùng kỳ năm 2021.

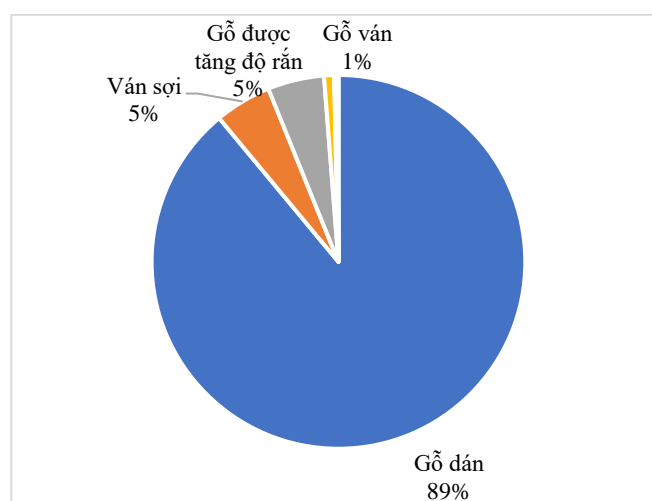
Hình 17: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 54,1 triệu USD, chiếm 89,0% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 3,0 triệu USD, chiếm 4,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 4,9% và 0,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Hình: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 05/2022

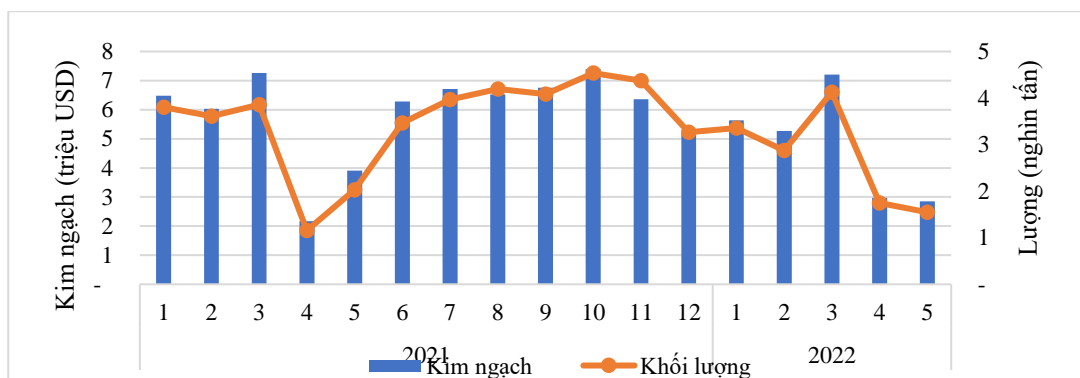


Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 05/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 1,6 nghìn tấn với trị giá 2,9 triệu USD, giảm 11,3% về khối lượng và 3,9% về giá trị so với tháng trước, và giảm 23,4% về khối lượng và 26,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

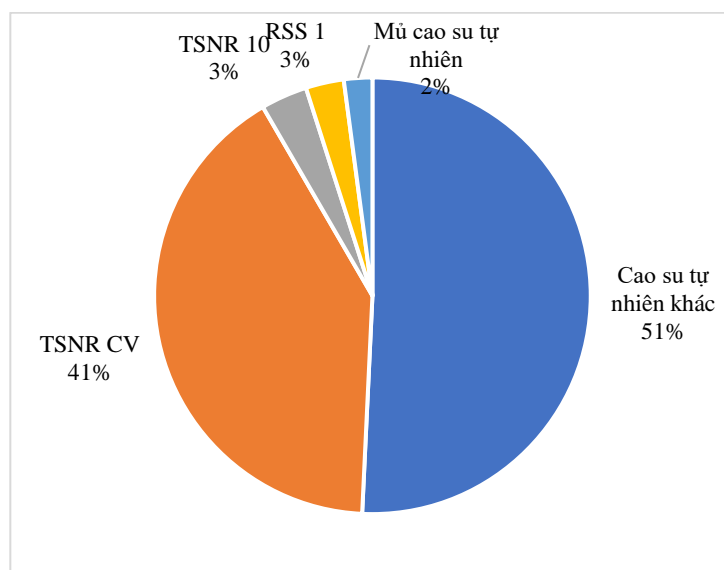
Hình 18: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2022, TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,2 triệu USD, chiếm 40,9% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR 10 với kim ngạch 97,9 nghìn USD, chiếm 3,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là RSS 1 và mù cao su tự nhiên, chiếm lần lượt 2,8% và 2,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

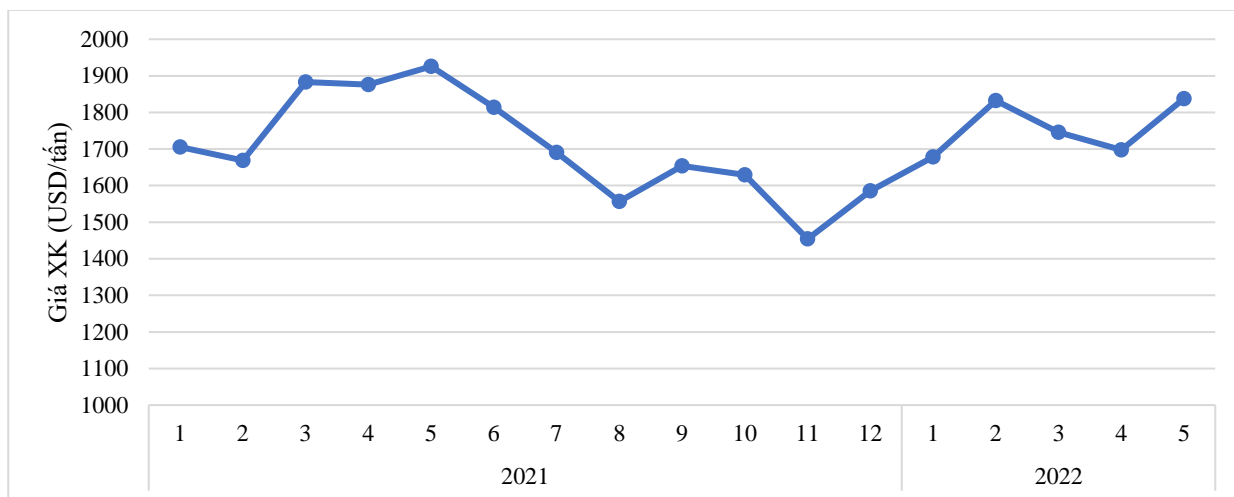
Hình 19: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 05/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 05/2022 đạt mức 1.838 USD/tấn, tăng 8,3% so với tháng trước và giảm 4,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 20: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Các chuyên gia dự báo, giai đoạn 2020 - 2025, thị trường cà phê Hoa Kỳ sẽ tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng bình quân là 4,8%. Các yếu tố chính thúc đẩy sự tăng trưởng của thị trường là lối sống ngày càng bận rộn và thời gian làm việc kéo dài. Điều này khiến các chuỗi cà phê ở Hoa Kỳ trở nên phổ biến hơn đối với khách hàng.

Hơn nữa, thị trường cà phê Hoa Kỳ được phân khúc theo loại sản phẩm cà phê nguyên hạt, cà phê xay, cà phê hòa tan, cà phê viên nén và cà phê túi lọc, được phân phối thông qua các điểm bán hàng tại siêu thị, cửa hàng tiện lợi, nhà bán lẻ chuyên nghiệp và các kênh phân phối khác.

Tuy nhiên, yêu cầu đối với cà phê nhập khẩu vào Hoa Kỳ phải truy xuất nguồn gốc trong chuỗi giá trị. Các tiêu chuẩn sản xuất chính trên thị trường cà phê Hoa Kỳ là Fairtrade USDA, Organic, Rainforest Alliance/UTZ Certified, Bird Friendly, Carbon Neutral, Organic và Direct Trade.

2. Hồ tiêu

Theo Tổng cục Hải quan, trong những tháng đầu năm nay, nhập khẩu hồ tiêu của Mỹ và EU tiếp tục tăng bất chấp lạm phát cao nhất trong nhiều năm và doanh số bán lẻ ghi nhận sự sụt giảm do người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu. Điều này cho thấy nhu cầu hồ tiêu tại hai thị trường tiêu dùng hàng đầu thế giới này vẫn không hề suy giảm trước các biến động từ ngoại lực.

Theo số liệu của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ (USITC), Mỹ đã nhập khẩu tổng cộng 28.671 tấn hồ tiêu với trị giá gần 142,3 triệu USD trong 4 tháng đầu năm nay, tăng 5,5% về lượng và tăng 61% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, lượng tiêu nhập khẩu từ Việt Nam tăng tới 25,3% so với cùng kỳ năm trước, lên mức 21.170 tấn. Hiện Việt Nam đang nắm giữ 74% thị phần hồ tiêu tại Mỹ, tăng mạnh so với con số 63% của cùng kỳ. Ngược lại, xuất khẩu tiêu của các đối thủ cạnh tranh như Brazil hay Indonesia vào Mỹ giảm lần lượt 32,9% và 45,7% trong 4 tháng.

3. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST), nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng do căng thẳng thương mại, địa chính trị; giá cước vận tải ở mức cao; giá hàng hóa, nguyên, nhiên, vật liệu nhập khẩu là đầu vào của sản xuất dự báo tiếp tục tăng, đặc biệt là vụ kiện tử gỗ.

Theo VIFOREST, cơ hội mà các FTA mang lại cho doanh nghiệp là rất lớn. Tuy nhiên, do một số hạn chế, các doanh nghiệp chưa tận dụng hết các cơ hội này, chính vì vậy kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào các thị trường có FTA với Việt Nam chưa có nhiều bứt phá. Trong đó, năng lực tự chủ về logistics được coi là rào cản lớn nhất.

Do đó, Việt Nam cần hoàn thiện chính sách, pháp luật về dịch vụ logistics, xây dựng được đội tàu siêu trường, siêu trọng cùng với hạ tầng logistics hiện đại để đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu, không phụ thuộc vào đội tàu của các doanh nghiệp nước ngoài như hiện nay.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần phải cải thiện các mô hình kinh doanh, nâng cấp sản phẩm, dịch vụ, tái sắp xếp chuỗi cung ứng đầu vào để tận dụng triệt để các ưu đãi thuế quan từ các Hiệp định và thâm nhập vào thị trường mới.

Ngoài ra, để hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt kết quả tích cực trong thời gian tới, cần sự hỗ trợ của các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài trong việc cập nhật thông tin về các thị trường, nhu cầu xuất, nhập khẩu cũng như cảnh báo sớm các biện pháp phòng vệ thương mại.

4. Cao su

Nhu cầu cao su của Hoa Kỳ được dự báo sẽ tăng 1,0% mỗi năm trong giai đoạn 2021 - 2022, theo Cao su: Hoa Kỳ, một báo cáo do Freedonia Focus Reports công bố gần đây. Các nhà cung cấp dự kiến sẽ được hưởng lợi từ sự gia tăng sản xuất các sản phẩm cao su của Hoa Kỳ, chẳng hạn như lốp xe, ống mềm và dây đai, trong bối cảnh sản lượng thiết bị và máy móc vận tải ngày càng tăng. Nhu cầu về cao su cũng sẽ được hỗ trợ bởi giá dầu tăng cao, dưới ảnh hưởng của xung đột Nga - Ukraine vào tháng 2 năm 2022 và các lệnh trừng phạt quốc tế.

5. Thủy sản

Lạm phát, tình trạng thiếu hàng tồn kho và thiếu các loại sản phẩm cũng góp phần làm doanh số bán hàng tại Hoa Kỳ giảm trong tháng 5/2022. Để đối phó với tình trạng giá cả tăng cao, 20% người tiêu dùng Hoa Kỳ đã bắt đầu tích trữ một số mặt hàng vì lo ngại giá có thể tăng lên trong thời gian tới; 16% trong số những người được khảo sát đang mua số lượng hàng lớn hơn nhu cầu hiện tại vì họ lo ngại rằng sản phẩm có thể không có sẵn trong. Dự báo, nhu cầu tiêu dùng trong nước tiếp tục có xu hướng giảm trong những tháng tới dẫn đến nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu sản phẩm thủy sản của Hoa Kỳ có xu hướng giảm nhẹ./.

PHỤ LỤC

Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 5/2022

STT	Sản phẩm	Tháng 5/2022 (USD)	Tăng/giảm so T4/2022	Tăng /giảm so T5/2021	Tỷ trọng T5/2022
1	Cà phê	22,033,093	2.3%	-60.8%	1.8%
2	Cao su	2,850,529	-26.9%	-78.3%	0.2%
3	Chè	1,033,026	8.2%	-22.3%	0.1%
4	Gạo	2,295,355	108.4%	42.5%	0.2%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	758,665,231	-15.4%	-29.9%	61.3%
6	Hàng rau quả	22,357,018	-9.3%	-34.8%	1.8%
7	Hàng thủy sản	245,646,418	34.2%	-30.9%	19.8%
8	Hạt điều	83,446,498	-3.8%	-56.8%	6.7%
9	Hạt tiêu	28,750,315	43.0%	-19.4%	2.3%
10	Mây tre đan	27,182,564	-26.9%	-46.5%	2.2%
11	SP từ cao su	30,296,093	-8.3%	-43.4%	2.4%
12	TĂGS &NL	13,725,410	25.8%	33.6%	1.1%
Tổng XK NLTS		1,238,281,550	-6.2%		

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 5/2022

Loại sản phẩm	Tháng 5/2021		Tháng 5/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	877	686.973	1.401	1.233.163	59,7%	79,5%
Gạo trắng	482	240.248	1.233	862.234	155,5%	258,9%
Các loại gạo khác	203	173.956	232	199.958	14,4%	14,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 5/2022

TT	Sản phẩm	T5/2021	T5/2022	So sánh T5.2022/T5.2021
		(USD)	(USD)	
	Tổng giá trị XK	24.653.480	22.357.018	-9,3%
1	Dừa	2.248.706	6.503.137	189,2%
2	Sầu riêng	2.108.728	2.322.965	10,2%
3	Thanh long	1.852.535	2.202.141	18,9%
4	Dứa	292.495	1.431.899	389,5%
5	Xoài	1.353.186	644.154	-52,4%
6	Chanh	925.909	585.260	-36,8%
7	Vải	17.893	56.810	217,5%
8	Chôm chôm	23.920	4.068	-83,0%
9	Khác	15.830.107	8.606.584	-45,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 5/2022

Mặt hàng	T5/2021 (USD)	T5/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	16.953.577	18.394.899	8,50%
Khác	1.463.542	2.410.300	64,69%
Cà phê tan	1.573.705	849.899	-45,99%
Đã rang chưa khử cafein	1.025.764		-100,00%
Chưa rang đã khử cafein	512.713	385.651	-24,78%
Đã rang đã khử cafein	1.259	7.166	469,35%
Tổng	21.530.559	22.047.916	2,40%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 5/2022

Loại sản phẩm	Tháng 5/2022	Tháng 5/2021	So sánh 2022/21(%)
	(USD)	(USD)	
Cá da trơn	41.495.506,1	15.934.525,0	160,4%
Cá da trơn	65.841.360,3	28.998.256,9	127,1%
Cá ngừ	57.096.436,9	30.938.448,2	84,5%

Cá rô phi	318.373,2	125.150,0	154,4%
Cua, ghe	6.032.652,3	3.556.061,9	69,6%
Mực và bạch tuộc	2.260.737,0	1.002.707,8	125,5%
Tôm	77.102.918,7	61.362.168,2	25,7%
Thủy sản khác	20.231.517,6	20.018.481,1	1,1%
Tổng	228.883.996,0	146.001.274,0	56,8%

Nguồn: Tổng cục Hải quan